

Ngày thi: 03/01/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	152220345	TRƯƠNG CÔNG ĐUỜNG	T17XDC	6			4		3.5			1.5	0.0	Không			
2	168222095	LÊ QUANG LONG	T17XDC	7			5.5		5			0.8	0.0	Không			
3	178222998	ĐẶNG QUÝ BÌNH	T17XDC	9			6.5		6			5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn			
4	178222999	LƯU VĂN CUỜNG	T17XDC	10			5.5		5			6	6.4	Sáu phẩy Bốn			
5	178223000	MAI QUÝ ĐỊNH	T17XDC	7			3		7			4.5	5.0	Năm			
6	178223001	ĐẶNG HỮU ĐÔNG	T17XDC	10			3		6			3	0.0	Không			
7	178223002	ĐINH MẠNH HÀ	T17XDC	9			7		4.5			4.8	5.7	Năm phẩy Bảy			
8	178223003	NGUYỄN VĂN HẠNH	T17XDC	9.5			6		6			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba			
9	178223004	LÝ XUÂN HIẾU	T17XDC	4			0.5		3			1	0.0	Không			
10	178223005	PHẠM TIẾN HOÀNG	T17XDC	9			5.5		4.5			4.8	5.5	Năm phẩy Năm			
11	178223007	VÕ HÙNG HÔNG	T17XDC	7			2.5		5			4	4.4	Bốn phẩy Bốn			
12	178223009	HUỲNH NGỌC HÙNG	T17XDC	3			0.5		3			1	0.0	Không			
13	178223010	NGUYỄN HỮU KHOA	T17XDC	1			0		0			V	0.0	Không			
14	178223012	TRẦN CHIÊM PHƯỚC	T17XDC	10			5.5		5.5			5.3	6.1	Sáu phẩy Một			
15	178223013	NGUYỄN PHƯỚC HOÀI PHƯƠNG	T17XDC	10			5		3			1	0.0	Không			
16	178223014	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	T17XDC	9			6		5.5			5.3	6.0	Sáu			
17	178223015	ĐỖ PHÚ THANH	T17XDC	7			2.5		5.5			1.5	0.0	Không			
18	178223016	TRƯƠNG VĂN THỊNH	T17XDC	4			4		3.5			0.5	0.0	Không			
19	178223017	NGUYỄN VĂN THỨC	T17XDC	10			6.5		4			6	6.4	Sáu phẩy Bốn			
20	178223018	NGUYỄN HỒNG TRÁNG	T17XDC	10			7		6.5			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu			
21	178223019	ĐẶNG HỮU TRUNG	T17XDC	7			4		4.5			4	4.5	Bốn phẩy Năm			
22	178223021	NGUYỄN THÀNH TRUNG	T17XDC	10			5.5		3.5			0.5	0.0	Không			
23	178223023	VÕ TRUNG	T17XDC	0			0		0			V	0.0	Không			
24	178223024	VÕ NGỌC TRUNG	T17XDC	1			0.5		0			HP	0.0	Không			
25	178223025	LƯƠNG ANH TUẤN	T17XDC	0			0		0			HP	0.0	Không			
26	178223026	TRẦN CÔNG TUẤN	T17XDC	3			1		3.5			2.8	0.0	Không			
27	178223027	HOÀNG TÙNG	T17XDC	10			5.5		6.5			4.3	5.7	Năm phẩy Bảy			
28	178223028	LÊ ĐỨC VIỆT	T17XDC	9			5		7			8	7.6	Bảy phẩy Sáu			
29	1769	NGUYỄN ĐĂNG ĐUỜNG	D16XDCB	8			3		4.5			2.5	0.0	Không	62478DT		
30	4706	VĂN HUY BÌNH	K13XDC	8			5		7			5.3	5.9	Năm phẩy Chín	62969DT		
31	0382	NGUYỄN ĐĂNG DUY TỶ	T15XDC	4			1.5		5			1.3	0.0	Không	63094DT		
32	2110	ĐINH XUÂN TÂM	T16XDC	6			1.5		5			2.5	0.0	Không	62644DT		
33	0246	NGUYỄN HOÔNG THUYỀN	T16XDC	7			4		6			4.3	4.9	Bốn phẩy Chín	60447DT		
34	2121	NGUYỄN TẤN TRƯỜNG	T16XDC	7			3.5		6			4	4.7	Bốn phẩy Bảy	62967DT		
35	2076	TRẦN NHẬT GIANG	T16XDC	7			7		4			2.8	0.0	Không	62886DT		
36	2079	BÙI HỮU NHẬT HẠNH	T16XDC	5.5			5		5			3	0.0	Không	62693DT		
37	2117	NGUYỄN VĂN TIẾN	T16XDC	5.5			2.5		4			1	0.0	Không	63091DT		
38	2119	NGUYỄN QUANG TRUNG	T16XDC	4			3.5		5			4	4.1	Bốn phẩy Một	62849DT		
39	2070	PHAN ĐÌNH CÔNG	T16XDC	4.5			1.5		6			2	0.0	Không	63712DT		
40	2132	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	T16XDC	4			1		5.5			1.8	0.0	Không	63713DT		
41	2068	BÙI ĐỨC CHU	T16XDC	0			0		0			V	0.0	Không	63711DT		

Ngày thi:		03/01/2014		LẦN THI										1	
STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				15			15		15			55	100		
42	2085	NGUYỄN THANH KHA	T16XDC	6			3		3			4.3	4.2	Bốn phần Hai	62983DT
43	2064	NGUYỄN PHÚ CHÂU	T16XDC	4			7		5			3	0.0	Không	63724DT
44	2493	LÊ MINH KỲ	T16XDCB	4			2		0			V	0.0	Không	62846DT

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân